

Bản án số: 20 /2026/DS-ST

Ngày: 15-5-2026

*V/v “Tranh chấp hợp đồng tín
dụng và thực hiện nghĩa vụ tài
sản do người chết để lại”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Trung

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hạnh
2. Bà Huỳnh Thị Mỹ Lễ

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Công Bình – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 Quảng Ngãi** tham gia phiên tòa: Bà Lý Tường Vy – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2026/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2026/QĐST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2026, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 37/2026/QĐST-DS ngày 16 tháng 03 năm 2026 và Thông báo thời gian, địa điểm mở phiên tòa số: 482/TB-TA ngày 16/4/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N (viết tắt là A); địa chỉ: Số B L, phường Q, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Nhật T – Giám đốc A Chi nhánh Đ; địa chỉ: Số A Đ, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người được uỷ quyền lại: Ông **Võ Hữu T1** – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng **A chi nhánh Đ**. Có mặt

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị D**, sinh năm 1961; địa chỉ: **Tổ dân phố T, phường S, tỉnh Quảng Ngãi**; Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh **Lê Ngọc P** - sinh năm 1982; địa chỉ: **Tổ dân phố T, phường S, tỉnh Quảng Ngãi**. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- Anh **Lê Tấn T2** – sinh năm 1985; địa chỉ: **Tổ dân phố T, phường S, tỉnh Quảng Ngãi**; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- Chị **Lê Thị Ngọc L** – sinh năm 1992; địa chỉ: **1 T, phường T, TP . Hồ Chí Minh**; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- Chị **Lê Phương H** – sinh năm 2001; địa chỉ: **Tổ dân phố T, phường S, tỉnh Quảng Ngãi**. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/02/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

A đã cho ông **Lê Văn K** và bà **Trần Thị D** vay số tiền 650.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 4508LAV201900293 ngày 23/01/2019; Thời hạn vay: 60 tháng (từ ngày 23/01/2019-23/01/2024); Lãi suất cho vay: lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10%/năm; mục đích vay: Mua lưới và các dụng cụ đánh bắt thuỷ sản.

Sau khi vay tiền ông **Lê Văn K** và bà **Trần Thị D** không trả tiền nợ gốc và lãi đúng thời hạn thoả thuận theo các Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông **K**, bà **D** vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng; do đó Ngân hàng chuyển nợ quá hạn ngày 24/01/2022 theo hợp đồng đã ký kết.

Ông **Lê Văn K** chết năm 2019; do đó bà **Trần Thị D** phải có nghĩa vụ trả nợ cho **A** theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tổng số tiền bà **D** phải trả cho **A** tính đến hết ngày 15/5/2026 là: 1.178.938.356 đồng; trong đó: Số tiền nợ gốc 650.000.000đồng; nợ lãi trong hạn: 423.835.616đồng; nợ lãi quá hạn: 105.102.740 đồng

Khi vay tiền ông **Lê Văn K** và bà **Trần Thị D** có thể chấp các tài sản:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 37 phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường S, tỉnh Quảng Ngãi)

- 02 tàu cá có giấy chứng nhận đăng ký số QNg-98012-TS và QNg-94274-TS

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. T3 buộc bà Trần Thị D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Ngọc P, anh Lê Tấn T2, chị Lê Thị Ngọc L và chị Lê Phương H cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 15/5/2026 là: 1.178.938.356 đồng; trong đó: Số tiền nợ gốc 650.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 423.835.616 đồng; nợ lãi quá hạn: 105.102.740 đồng và tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh sau ngày 15/5/2026 cho đến khi trả hết nợ.

2. Trong trường hợp bà D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Ngọc P, anh Lê Tấn T2, chị Lê Thị Ngọc L và chị Lê Phương H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì A được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp, cụ thể như sau: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 37 phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường S, tỉnh Quảng Ngãi) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AL272459, Số vào sổ: H.04281 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 08/11/2006; hai tàu cá có giấy chứng nhận đăng ký số QNg-98012-TS và QNg-94274-TS.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn rút yêu cầu xử lý tài sản tàu cá thế chấp có giấy chứng nhận đăng ký số QNg-94274-TS.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì yêu cầu Tòa án tuyên bà Trần Thị D phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng N.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị D trình bày:

Năm 2019 bà D cùng chồng là Lê Văn K ký hợp đồng tín dụng số 4508-LAV-201900293 ngày 23/01/2019 với Ngân hàng N (viết tắt là A) để vay số tiền 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng); thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 23/01/2019 đến ngày 23/01/2024); lãi suất cho vay 10%/năm; mục đích vay để mua tàu cá.

Vợ chồng bà đã ký các hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo khoản nợ vay trên gồm:

+ Quyền sử dụng đất thửa đất số 51, tờ bản đồ số 37, diện tích 56,9m² phường

P (nay là phường S, tỉnh Quảng Ngãi), theo hợp đồng thế chấp số 209/TCTS ngày 23/01/2019

+ Tàu cá số đăng ký QNg-98012-TS, theo hợp đồng thế chấp số 210/TCTS ngày 23/01/2019.

+ Tàu cá đăng ký QNg-94274-TS, theo hợp đồng thế chấp số 211/TCTS ngày 23/01/2019.

Sau khi vay tiền vợ chồng bà chỉ mới trả lãi đến tháng 10/2019 thì làm ăn thua lỗ nên từ tháng 11/2019 đến nay không có tiền trả gốc, lãi cho Ngân hàng đúng cam kết. Bà D xác định đến hết ngày 15/5/2026 vợ chồng bà còn nợ A số tiền là: 1.178.938.356 đồng; trong đó: Số tiền nợ gốc 650.000.000đồng; nợ lãi trong hạn: 423.835.616đồng; nợ lãi quá hạn: 105.102.740 đồng và bà chấp nhận có trách nhiệm trả khoản nợ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh sau ngày 15/5/2026 theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

Ông Lê Văn K đã chết ngày 27/8/2020, không để lại di chúc; do đó tài sản chung của vợ chồng bà đã thế chấp A để vay tiền nêu trên nếu bà không có khả năng trả nợ thì A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết, bà không có ý kiến gì.

Bà và ông Lê Văn K có 04 người con gồm: Lê Ngọc P, Lê Tấn T2, Lê Phương H, Lê Thị Ngọc L.

Ngoài những người con nêu trên, bà và ông K không có con riêng, con nuôi nào khác. Cha mẹ đẻ của ông Lê Văn K đã chết trước ông K.

Bà có hỏi ý kiến của các con về khoản nợ của A, các con đều thống nhất xử lý tài sản thế chấp để trả nợ cho A. Nếu xử lý tài sản thế chấp mà không trả hết nợ thì bà nhận trách nhiệm trả hết số nợ còn lại chứ không yêu cầu các con cùng trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Ngọc P, anh Lê Tấn T2, chị Lê Phương H và chị Lê Thị Ngọc L trình bày:

Các anh, chị thống nhất với yêu cầu khởi kiện của A; các anh chị đều đồng ý xử lý tài sản thế chấp để trả nợ cho A. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà vẫn còn thiếu nợ A thì bà Trần Thị D phải có trách nhiệm trả phần nợ còn lại chứ các anh chị không có nghĩa vụ cùng bà D trả đến hết nợ A.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi tại phiên

tòa:

Về chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà **Trần Thị D** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh **Lê Ngọc P**, anh **Lê Tấn T2**, chị **Lê Thị Ngọc L** và chị **Lê Phương H** phải có nghĩa vụ trả cho **A** số tiền vay gốc, lãi tính đến hết ngày 15/5/2026 là: 1.178.938.356 đồng; trong đó: Số tiền nợ gốc 650.000.000đồng; nợ lãi trong hạn: 423.835.616đồng; nợ lãi quá hạn: 105.102.740 đồng và tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh sau ngày 15/5/2026 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp bà **D** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh **Lê Ngọc P**, anh **Lê Tấn T2**, chị **Lê Thị Ngọc L** và chị **Lê Phương H** không trả số tiền nêu trên thì **A** được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Nếu số tiền bán tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng N** thì bà **Trần Thị D** phải tiếp tục thanh toán phần còn thiếu cho **Ngân hàng N** cho đến khi trả xong nợ.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp tàu cá QNg-94274-TS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn là **A** khởi kiện bị đơn bà **Trần Thị Dân cư T4** ở **phường S, tỉnh Quảng Ngãi**. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi.

[1.2] Về tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Lê Ngọc P**, anh **Lê Tấn T2**, chị **Lê Phương H** và chị **Lê Thị Ngọc L** đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng số 4508-LAV-201900293 ngày 23/01/2019 đã ký kết giữa A với ông Lê Văn K và bà Trần Thị D:

A cho ông Lê Văn K và bà Trần Thị D vay theo Hợp đồng tín dụng nêu trên là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa A và ông Lê Văn K, bà Trần Thị D đã xác lập hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại Điều 463, 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng; nội dung và mục đích hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc lập hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng trình tự của pháp luật về tín dụng ngân hàng. Vì vậy các hợp đồng tín dụng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[2.2] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc chưa thanh toán:

Theo trình bày của đương sự và đối chiếu tài liệu nguyên đơn cung cấp có đủ căn cứ xác định: A đã giải ngân cho Lê Văn K và bà Trần Thị D nhận số tiền vay gốc theo Hợp đồng tín dụng với số tiền là 650.000.000 đồng. Từ khi vay tiền đến nay ông K, bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận.

Tính đến hết ngày 15/5/2026 vợ chồng ông Lê Văn K, bà Trần Thị D còn nợ A số tiền nợ gốc là: 650.000.000 đồng, bà D cũng thừa nhận số nợ này. Ông Lê Văn K đã chết ngày 27/8/2020. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Ngọc P, anh Lê Tấn T2, chị Lê Phương H và chị Lê Thị Ngọc L (là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Văn K) phải thanh toán số tiền nợ gốc 650.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 466, Điều 615 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chưa thanh toán:

Từ khi vay cho đến nay ông Lê Văn K, bà Trần Thị D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi đã thoả thuận theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên. A đã áp dụng nhiều biện pháp thông báo, đôn đốc nhưng bị đơn không trả tiền lãi trong nhiều tháng, nhiều kỳ liên tiếp và các bên không thoả thuận về việc gia hạn nợ hoặc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Ngày 24/01/2022 nguyên đơn đã chuyển phần dư nợ gốc đến hạn thanh toán của Hợp đồng tín dụng nhưng không được bà Trần Thị D thanh toán sang nợ quá hạn. Vì vậy, tổng số tiền lãi tính đến hết ngày 15/5/2026 bà Trần Thị D, ông Lê Văn K chưa thanh toán cho Ngân hàng là 528.938.356 đồng (trong đó: nợ lãi trong hạn: 423.835.616 đồng; nợ lãi quá hạn: 105.102.740 đồng); bà Trần Thị D, ông Lê Văn K còn phải tiếp tục trả số tiền lãi và phí phát sinh kể từ sau ngày 15/5/2026 đối với số tiền trên dư nợ gốc còn lại

theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong. Vậy, nguyên đơn yêu cầu bà **Trần Thị D** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Lê Ngọc P**, anh **Lê Tấn T2**, chị **Lê Phương H** và chị **Lê Thị Ngọc L** (là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông **Lê Văn K**) phải trả lãi là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét Hợp đồng thế chấp và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

[3.1] Về giá trị hiệu lực của các Hợp đồng thế chấp: Khi vay tiền ông **Lê Văn K**, bà **Trần Thị D** có thế chấp các tài sản sau để đảm bảo khoản vay:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 37 phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường S, tỉnh Quảng Ngãi), theo hợp đồng thế chấp số 209/TCTS ngày 23/01/2019.

- Tàu cá số đăng ký QNg-98012-TS, theo hợp đồng thế chấp số 210/TCTS ngày 23/01/2019.

- Tàu cá đăng ký QNg-94274-TS, theo hợp đồng thế chấp số 211/TCTS ngày 23/01/2019.

Các bên đương sự đều thừa nhận tại thời điểm thế chấp các tài sản thế chấp đều thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng hợp pháp của bên thế chấp. Xét thời điểm giao kết Hợp đồng thế chấp, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện ký kết, nên các Hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý.

[3.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 37 phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường S, tỉnh Quảng Ngãi) và tàu cá có giấy chứng nhận đăng ký số QNg-98012-TS là những tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp nêu trên. Các bên đương sự thống nhất đây là tài sản bảo đảm cho khoản vay tín dụng; trường hợp bị đơn không trả được nợ thì bị đơn đồng ý giao tài sản để xử lý thu hồi nợ. Do đó **A** đề nghị xử lý tài sản thế chấp trên trong trường hợp bị đơn không trả được nợ là có căn cứ chấp nhận.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là tàu cá có giấy chứng nhận đăng ký số QNg-94274-TS nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp tàu cá QNg-94274-TS.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc nguyên đơn nộp tạm ứng số tiền 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) đã thanh toán xong; nguyên đơn yêu cầu bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải trả lại cho nguyên đơn. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận; buộc bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ

liên quan phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 7.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Trần Thị D**, sinh năm 1961 và **Lê Văn K**, sinh năm 1954 là người cao tuổi thuộc diện được miễn nộp tiền án phí; bà **D** có đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí; ông **K** đã chết nên những người thực hiện nghĩa vụ của ông **K** để lại cũng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Do đó, bà **Trần Thị D** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Lê Ngọc P**, anh **Lê Tấn T2**, chị **Lê Phương H** và chị **Lê Thị Ngọc L** được miễn nộp tiền án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39; Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 227; Điều 228; các Điều 235, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 323, 335, 336, 339, 342, 357, 463, 466, 468, 470, 615 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ các Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là **Ngân hàng N**. Buộc bà **Trần Thị D** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Lê Ngọc P**, anh **Lê Tấn T2**, chị **Lê Phương H** và chị **Lê Thị Ngọc L** (là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông **Lê Văn K**) phải có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng N** số tiền vay gốc, lãi tạm tính đến hết ngày 15/5/2026 là: 1.178.938.356 đồng; trong đó: Số tiền nợ gốc 650.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 423.835.616 đồng; nợ lãi quá hạn: 105.102.740 đồng và bà **D** cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Lê Ngọc P**, anh **Lê Tấn T2**, chị **Lê Phương H** và chị **Lê Thị Ngọc L** tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh sau ngày 15/5/2026 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng 4508LAV201900293 ngày 23/01/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Trường hợp bà **Trần Thị D** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan anh **Lê Ngọc P**, anh **Lê Tấn T2**, chị **Lê Phương H** và chị **Lê Thị Ngọc L** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì **Ngân hàng N** có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 37 **phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường S, tỉnh Quảng Ngãi)**

- Tàu cá có giấy chứng nhận đăng ký số QNg-98012-TS

Nếu số tiền bán tài sản thế chấp nêu trên lớn hơn khoản nợ phải trả cho **Ngân hàng N** thì phần chênh lệch sẽ trả lại cho bà **Trần Thị D** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Lê Ngọc P**, anh **Lê Tấn T2**, chị **Lê Phương H** và chị **Lê Thị Ngọc L**.

Nếu số tiền bán tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng N** thì bà **Trần Thị D** phải tiếp tục thanh toán phần còn thiếu cho **Ngân hàng N** cho đến khi trả xong nợ.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp tàu cá QNg-94274-TS.

3. Về án phí: Bà **Trần Thị D** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Lê Ngọc P**, anh **Lê Tấn T2**, chị **Lê Phương H** và chị **Lê Thị Ngọc L** được miễn nộp tiền án phí.

Hoàn trả cho **Ngân hàng N** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.879.000 đồng (*Hai mươi một triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn đồng*) theo biên lai số 0004800 ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 Quảng Ngãi).

4. Về chi phí tố tụng: Bà **Trần Thị D** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Lê Ngọc P**, anh **Lê Tấn T2**, chị **Lê Phương H** và chị **Lê Thị Ngọc L** phải hoàn trả cho **Ngân hàng N** số tiền 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 6-Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 6-Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Trung

